|  |
| --- |
|  |

 **TỔNG HỢP CÂU HỎI & CÂU TRẢ LỜI**

**TRONG HỘI NGHỊ ĐỐI THOẠI DOANH NGHIỆP HÀN QUỐC 2023**

**Sở Lao động Thương binh và xã hội**

**노동국 관련 문제**

***Câu 1:*** *Có mâu thuẫn giữa quy định và xử lý hồ sơ trong thực tế. (ví dụ: theo quy định, có thể chứng minh kinh nghiệm làm việc bằng giấy phép lao động hiện có. Tuy nhiên Sở LĐTB&XH không chấp nhận). Đề nghị Quý cơ quan xem xét lại trường hợp này. (Công ty C&H vina)*

*규정과 실무 처리간의 불일치 사항(예: 규정 상 기존 워크퍼밋으로 경력증명 가능하나 지속적으로 비협조적인 빈증 노동국 데스크의 경우)에 대해 지속적으로 협조 요청 부탁 드립니다.*

**Trả lời/답:**

Ngày 18/9/2023, Chính phủ ban hành Nghị định số 70/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số [152/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/lao-dong-tien-luong/nghi-dinh-152-2020-nd-cp-quan-ly-nguoi-lao-dong-nuoc-ngoai-lam-viec-tai-viet-nam-280261.aspx) ngày 30/12/2020 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam (có hiệu thi hành từ ngày 18/9/2023), theo đó tại điểm b khoản 5 Điều 1 (sửa đổi, bổ sung điểm a và điểm b khoản 4 Điều 9) quy định “Giấy tờ chứng minh chuyên gia, lao động kỹ thuật theo quy định tại khoản 3, 6 Điều 3 Nghị định này bao gồm 2 loại giấy tờ sau: Văn bằng hoặc chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận; Văn bản xác nhận của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp tại nước ngoài về số năm kinh nghiệm của chuyên gia, lao động kỹ thuật hoặc giấy phép lao động đã được cấp hoặc xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đã được cấp. Vì vậy, nếu giấy phép lao động đã được cấp đảm bảo theo quy định pháp luật thì người sử dụng lao động có thể nộp để chứng minh kinh nghiệm làm việc nếu cùng vị trí công việc, chức danh công việc với vị trí công việc dự kiến sử dụng người lao động nước ngoài đã được chấp thuận sử dụng.

2023년 9월 18일에 정부는 베트남에서 일하는 외국인 근로자에 ​​관한 규정과 베트남에서 외국 조직 및 개인을 위해 일하는 베트남 근로자의 모집 및 관리에 관한 규정하는 정부의 2020년 12월 30일에 제[152/2020/ND-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/lao-dong-tien-luong/nghi-dinh-152-2020-nd-cp-quan-ly-nguoi-lao-dong-nuoc-ngoai-lam-viec-tai-viet-nam-280261.aspx)호 의정의 여러 조항을 수정 및 보완하는 제70/2023/ND-CP호 의정을 발표했습니다(2023년 9월 18일부터 시행). 이에 따라 제5조 제1항 제b점(제9조 제4항 제a점 및 제b점의 수정 및 보완)에서는 “제3조 제3항 및 제6항 본 의정의 규정에 따른 전문가 및 기술 근로자 증명서는 다음 두 가지 서류를 포함한다. 증서 또는 면허증 또는 증명서; 전문가, 기술 근로자의 경력 연수에 대한 해외 기관, 조직 및 기업의 확인 문서 또는 발급되는 노동허가증 또는 노동허가증 발급 대상이 아닌 확인 문서.

따라서, 법에 따라 노동허가증이 발급된 경우, 고용주는 외국인 근로자를 고용하려는 직위와 동일한 직위 또는 직위가 사용 승인을 받은 경우 경력 증명을 제출할 수 있습니다.

***Câu 2:*** *Theo khoản 8 điều 154 Bộ luật lao động 2019 quy định người nước ngoài được miễn giấy phép lao động nếu kết hôn với người Việt Nam và sinh sống trên lãnh thổ Việt Nam, và nếu muốn làm việc tại một công ty nào đó chỉ cần báo cáo lên sở lao động, nhưng khi báo cáo lên sở lao động thì sở lao động yêu cầu cần có giấy phép lao động mới được phép làm việc. Xin Sở lao động hướng dẫn cho vấn đề này.*

*배트남인 배우자의 TT 거주증 발급과 노동허가 신고 제도가 베트남 법에 있습니다만,*

*빈증성에서 접수가 안 됩니다.*

*베트남 법을 존중하고 의무와 권리 다 하면서 기본적인것에 어려움이 없도록 부탁드립니다.*

**Trả lời/답:**

**Trước ngày 18/9/2023**, căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 152/2020/NĐ-CP thì trường hợp“Người nước ngoài kết hôn với người Việt Nam và sinh sống trên lãnh thổ Việt Nam” theo khoản 8 Điều 154 của Bộ luật Lao động năm 2019 thì “không phải làm thủ tục xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động nhưng phải báo cáo với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi người lao động nước ngoài dự kiến làm việc thông tin: họ và tên, tuổi, quốc tịch, số hộ chiếu, tên người sử dụng lao động nước ngoài, ngày bắt đầu và ngày kết thúc làm việc trước ít nhất 3 ngày, kể từ ngày người lao động nước ngoài dự kiến bắt đầu làm việc tại Việt Nam.”.

**2023년 9월 18일 이전에**, 제152/2020/ND-CP호 의정 제8조 제 2항의 규정에 따라 2019년 노동법 제154조 제8항에 따라 "베트남인과 결혼하여 베트남 영토에 거주하는 외국인"의 경우 “외국인 근로자가 노동허가증 대상이 아닌지 확인하는 절차를 수행할 필요는 없지만, 외국인 근로자가 근무할 것으로 예상되는 노동보훈사회부 또는 노동보훈사회부에 외국인 근로자가 베트남에서 일을 시작할 것으로 예상되는 날부터, 성명, 나이, 국적, 여권 번호, 외국인 고용주명, 시작일과 최소 3일 전에 종료일등의 정보를 신고한다.”

Vì vậy, khi người sử dụng lao động đã báo cáo theo quy định như trên Sở Lao động - Thương binh và Xã hội không yêu cầu người sử dụng lao động phải cần có giấy phép lao động mới được làm việc.

따라서 고용주가 위와 같은 규정에 따라 신고한 경우 노동보훈사회부는 고용주에게 노동허가증을 받아야 일할 수 있도록 요구하지 않습니다.

**Từ sau ngày 18/9/2023**, đối với trường hợp“Người nước ngoài kết hôn với người Việt Nam và sinh sống trên lãnh thổ Việt Nam” theo khoản 8 Điều 154 của Bộ luật Lao động năm 2019 theo quy định tại điểm b khoản 13 Điều 1 Nghị định 70/2023/NĐ-CP (có hiệu lực từ ngày 18/09/2023) thì người sử dụng lao động phải nộp hồ sơ đề nghị xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định số 152/2020/NĐ-CP.

**2023년 9월 18일 이후부터** 제70/2023/ND-CP호 의정 제1조 제 12항 제b점(2023년 9월 18일부터 시행)의 규정에 따라 2019년 노동법 제154조 제8항에 따라 "베트남인과 결혼하여 베트남 영토에 거주하는 외국인"의 경우 고용주는 제152/2020/ND-CP 호 의정 제8조 제3항의 규정에 따라 "노동허가증 대상이 아니라는 확인 요청" 서류를 제출해야 합니다.

***Câu 3:*** *Thời gian duyệt giấy phép lao động dài hơn so với giấy hẹn làm chậm trể các công việc tiếp theo. (công ty Remote Solution VN)*

*노동허가서 발행 지연으로 인해 다른 일자리도 영향을 받았습니다.*

**Trả lời:** Do gặp phải một số khó khăn về nhân sự, cũng như vướng mắc trong quá trình thực hiện Nghị định 70/2023/NĐ-CP dẫn đến việc giải quyết đề nghị đối các thủ tục hành chính về người lao động nước ngoài trong thời gian qua còn chậm, trễ so với quy định hiện hành, cụ thể ít nhất từ 2 – 5 ngày so với thời hạn hẹn trả kết quả. Sở đang tiếp tục tăng cường nhân lực, làm thêm giờ, xây dựng mới lại phần mềm quản lý lao động người nước ngoài gắn với ứng dụng công nghệ thông tin nhằm đẩy nhanh tiến độ làm việc để sớm đảm bảo xử lý, giải quyết các hồ sơ theo quy định.

인사상의 어려움과 제70/2023/ND-CP 호 의정 시행 과정의 문제로 인해 결과적으로 외국인 글로자에 대한 행정 절차에 대한 제안의 해결은 현행 규정보다 늦고, 구체적으로 결과 약속 기간보다 최소 2 ~ 5 일 이상 늦습니다. 부는 규정에 따라 서류 처리 및 처리를 조기에 보장하기 위해 업무 진행을 가속화하기 위해 계속해서 인력을 늘리고 초과 근무를 하고 IT 애플리케이션에 맞는 외국인 글로자 관리 소프트웨어를 새로 구축하고 있습니다.

***Câu 4:*** *Các vấn đề liên quan đến giấy phép lao động nước ngoài và cấp thị thực*

*외국인 노동허가, 비자 발급 관련 문제*

**Trả lời:** Các quy định pháp luật hiện hành liên quan đến giấy phép lao động người nước ngoài được quy định tại: Bộ luật Lao động năm 2019; Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam; Nghị định số 70/2023/NĐ-CP ngày 18/9/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số [152/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/lao-dong-tien-luong/nghi-dinh-152-2020-nd-cp-quan-ly-nguoi-lao-dong-nuoc-ngoai-lam-viec-tai-viet-nam-280261.aspx) ngày 30/12/2020 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam.

외국인 노동 허가증과 관련된 현행 법률 규정은 다음과 같습니다. 2019년 노동법; 베트남에서 일하는 외국인 근로자에 ​​관한 규정과 베트남에서 외국 조직 및 개인을 위해 일하는 베트남 근로자의 모집 및 관리에 관한 규정하는 정부의 2020년 12월 30일에 제[152/2020/ND-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/lao-dong-tien-luong/nghi-dinh-152-2020-nd-cp-quan-ly-nguoi-lao-dong-nuoc-ngoai-lam-viec-tai-viet-nam-280261.aspx)호 의정; 베트남에서 일하는 외국인 근로자에 ​​관한 규정과 베트남에서 외국 조직 및 개인을 위해 일하는 베트남 근로자의 모집 및 관리에 관한 규정하는 정부의 2020년 12월 30일에 제[152/2020/ND-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/lao-dong-tien-luong/nghi-dinh-152-2020-nd-cp-quan-ly-nguoi-lao-dong-nuoc-ngoai-lam-viec-tai-viet-nam-280261.aspx)호 의정의 여러 조항을 수정 및 보완하는 정부의 2020년 9월 18일에 제70/2023/ND-CP호 의정.

Nếu có vấn đề liên quan đến giấy phép lao động người nước ngoài, Quý đơn vị người sử dụng lao động thực hiện theo quy định của các văn bản quy phạm pháp luật trên.

외국인 노동 허가증과 관련된 문제가 있으면 귀고용주 단위는 위의 법적 문서의 조항을 준수해야 합니다.

**Cục thuế tỉnh**

***세무국 관련 문제***

***Câu 5:*** *Từ quý 1 năm 2022 tới nay chưa được hoàn thuế VAT /2022. (Công ty HN Textile).*

*2022년 1분기부터 부가세환급을 못받고있어 회사가 자금난위기에 처해있읍니다*

**Trả lời/답:**

Với phương châm hỗ trợ tối đa, tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất cho doanh nghiệp. Cục Thuế đã tham dự và phối hợp chặt chẽ các Sở, Ngành tiếp tục hỗ trợ doanh nghiệp trong đối thoại, kết nối và xúc tiến trong các hội nghị để lắng nghe, chia sẻ và xử lý vướng mắc, tạo điều kiện thuận lợi nhất để doanh nghiệp tiếp tục phục hồi, phát triển sản xuất kinh doanh và tuân thủ đúng chính sách pháp luật. Theo đó, đối với những trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị, sẽ xem xét và giải quyết ngay cho doanh nghiệp. Đối với những vấn đề vượt quá thẩm quyền, Cục Thuế có báo cáo kịp thời, kiến nghị, đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét giải quyết.

최대 지원을 모토로 기업에 가장 유리한 조건을 조성한다는 모토로 국세청은 문제를 경청하고, 공유하고, 처리하고, 기업이 지속적으로 회복할 수 있도록 가장 유리한 조건을 조성하고, 생산 및 사업을 발전시키고, 법적 정책을 준수하기 위해 회의에서 대화, 연결 및 추진을 통해 기업을 지속적으로 지원하기 위해 부 및 부서과 참석하고 긴밀하게 협력했습니다. 따라서 해당 단위의 관할권에 속하는 사건의 경우 기업을 위해 즉시 고려되고 해결됩니다. 권한을 벗어난 문제에 대해 국세청은 즉시 보고하고, 권고하며, 관할 당국에 고려하고 해결하도록 제안합니다.

Căn cứ các quy định pháp luật hiện nay, doanh nghiệp đang hoạt động được cơ quan thuế xem xét hoàn thuế GTGT theo 02 trường hợp, đó là hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư và hoàn thuế GTGT đối với hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu.

현재의 법규에 근거하여 운영 중인 기업은 두 가지 경우에 따라 부가가치세를 환급하는 것을 세무당국에 의해 고려됩니다. 그것은 투자 사업에 대한 부가가치세 환급이고 수출 재화와 용역에 대한 부가가치세 환급입니다.

Hiện nay hoàn thuế GTGT đối với hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu tại chỗ đang là vấn đề quan tâm của doanh nghiệp và cơ quan thuế.

현재 현장 수출 상품 및 서비스에 대한 부가가치세 환급은 기업과 세무 당국의 관심사입니다.

Cục Thuế tỉnh Bình Dương đã báo cáo và có các buổi làm việc trực tiếp có đại diện các doanh nghiệp và kiến nghị các vướng mắc đến Ủy ban Tài chính ngân sách Quốc hội đối với vấn đề xuất khẩu tại chỗ liên quan quy định tại:

Binh Duong 성의 국세청은 기업 대표들과 직접 업무 회의를 갖고 보고했으며 다음과 같은 규정과 관련된 현장 수출 문제에 대해 국회 재정 예산 위원회에 문제를 제안했습니다.

* Nghị định 90/2007/NĐ-CP ngày 31/05/2007 của Chính Phủ về quyền xuất khẩu, nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam.
* 베트남에 주재하지 않는 외국인 무역업자의 수출 및 수입 권리에 관한 정부의 2007년 5월 31일에 제[90/2007/ND-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/lao-dong-tien-luong/nghi-dinh-152-2020-nd-cp-quan-ly-nguoi-lao-dong-nuoc-ngoai-lam-viec-tai-viet-nam-280261.aspx)호 의정.
* Tại điểm 1 khoản 1 Điều 35 Nghị định 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính Phủ.
* 정부의2015년 1월 21일에 제08/2015/ND-CP호 의정 제35조 제1항 제1점
* Tại điểm c khoản 1 Điều 86 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/03/2015 của Bộ Tài chính.
* 재무부의 2015년 3월 25일에 제38/2015/TT-BTC호 시행규칙 제86조 제1항 제a점

Để đồng hành và tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp, Cục Thuế đã đẩy nhanh tiến độ hoàn thuế đối với các doanh nghiệp đáp ứng đầy đủ điều kiện hoàn thuế theo quy định của pháp luật, bảo đảm thực hiện đúng thời gian quy định theo luật hiện hành (năm 2023 đã hoàn trên 15.000 tỷ đồng tiền thuế GTGT), riêng đối với một số trường hợp còn vướng mắc ngành thuế đã báo cáo và khi có chỉ đạo từ cấp thẩm quyền sẽ nhanh chóng giải quyết kịp thời, góp phần giúp doanh nghiệp phục hồi phát triển SXKD.

 기업의 어려움을 동행하고 해결하기 위해 국세청은 법률 규정에 따라 세금 환급 조건을 완전히 충족하는 기업에 대한 세금 환급 일정을 가속화하여 현행법에 따라 적시에 시행되도록 보장했습니다(2023년에 15조 동 이상의 부가가치세 환급). 특히 아직 문제가 남아 있는 경우에는 세무업계에서 이를 신고하고, 주무관청의 지시에 따라 적시에 신속히 해결해 기업의 생산과 사업의 회복과 발전에 기여할 예정입니다.

**Câu 6:**

a. *Câu hỏi về việc trì hoãn hoàn trả thuế* *GTGT bổ sung (Công ty Vinafoam)*

*부가세 환급 지연에 따른 문의*

***Trả lời/답:***

*b. Về thuế giá trị gia tăng: Theo quan điểm của Cục Thuế, thì "những doanh nghiệp thuộc dạng rủi ro cao về Thuế" - là những doanh nghiệp như thế nào? Vui lòng giải thích rõ ràng cho doanh nghiệp hiểu được vấn đề. (cty SungJin INC Vina)*

*부가세에 대하여 세무국의 입장은 "세무 리스크가 높은 기업들"은 어떤 기업인가요? (기업이 문제를 제대로 이해할 수 있도록 명확히 설명 부탁합니다).*

*Công ty chúng tôi từ khi trước năm 2012 đến kỳ hoàn thuế tháng 05+06/2023 - hồ sơ chúng tôi luôn thuộc diện hoàn trước kiểm tra sau. Nhưng đến bộ hồ sơ hoàn thuế của kỳ hoàn tháng 07+08/2023 - Cục Thuế lại xếp chúng tôi vào diện cần kiểm tra trước, hoàn thuế sau. Lý do Cục Thuế đưa ra: chúng tôi thuộc dạng có kế hoạch kiểm tra sau hoàn, nên thuộc dạng có rủi ro cao về thuế - một lý do hoàn toàn không chính đáng! Vì việc kiểm tra sau hoàn đối với chúng tôi - Cục Thuế vẫn tiến hành định kỳ 2 năm 1 lần - 1 cuộc kiểm tra bình thường, không có gì bất thường. Và chúng tôi luôn chấp hành nghiêm chỉnh các nghĩa vụ nộp tất cả các loại báo cáo thuế và các loại thuế. Kính mong Cục Thuế giải thích rõ vấn đề này.*

*2012년도 전부터 2023년 5월.6월 부가세 환급기까지 저희 기업 서류는 사전 환급 사후 조사 경우에 속하는 대상입니다. 그러나 2023년 7월.8월 부가세 환급 신청시 세무국은 저희 기업이 사전 조사 사후 환급 경우에 속하는 대상으로 분류합니다. 세무국 제시한 사유는 저희 기업은 사전 환급 사후 조사 대상임으로 세무 리스크가 높은 기업이라고 합니다. 저희 기업에 대해 부가세 환급 후 조사는 세무국이 년 2회 정기적인 진행하며 이상없는 정상적인 조사입니다. 그러므로 세무국이 제시한 사유는 완전히 적당하지 않습니다. 저희 기업은 각 종 세무 보고서 및 세금에 대한 의무를 전부 다 항상 엄격히 집행합니다. 본 문제를 명확히 설명 부탁 드립니다.*

***Trả lời/답:***

Qua trao đổi với Công ty, trước đây Công ty thuộc trường hợp hoàn thuế trước kiểm tra sau (giải quyết trong 6 ngày làm việc), đây là khoản thuế chưa được hoàn của kỳ trước đưa vào kỳ này hoàn thuế bổ sung, theo phân tích từ phòng kê khai thuộc trường hợp rủi ro cao nên chuyển sang kiểm trước hoàn thuế sau (Phòng TTKT4 đang xử lý), do đó doanh nghiệp cần chờ thời gian là 40 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định.

당사와 협의를 통해 이전에 당사가 추후 점검 전 세금 환급을 한 경우(근무일 6일 이내 해결), 이번 기간에 추가 환급을 위해 포함될 이전 기간의 미환급 세액으로, 신고부서 분석에 따르면 고위험 사례이므로 먼저 확인하고 추후 환급받아야 합니다(TTKT4 ​​​부서에서 처리 중입니다.). 따라서 기업은 규정에 따라 완전한 문서를 받은 날로부터 근무일40일을 기다려야 합니다.

***Câu 7:*** *Xuất khẩu tại chỗ cho thương nhân nước ngoài và xuất kho ngoại quan (Công ty Sewha Vina)*

*해외 무역업자에 대한 현장 수출 및 보세창고로의 수출*

**Trả lời/답:**

**Thuế:** Đối với vấn đề xuất khẩu tại chỗ cho thương nhân nước ngoài đang vướng mắc nội dung tương tự câu số 5

**세무 :** 같은 내용의 5번 문항에 걸려 있는 외국인 무역업자에 대한 현장 수출 문제에 대하여;

Đối với xuất hàng hóa vào kho ngoại quan, căn cứ khoản 1 Điều 86 Thông tư 38/2015/TT-BTC ngày 25/03/2015 của Bộ Tài chính quy định thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ:

세관 창고에 물품을 수출하는 경우, 현장 수출입품의 통관 절차를 규제하는 재무부의 2015년 3월 25일에 제38/2015/TT-BTC호 시행규칙 제86조 제1항에 근거하여:

“1. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ gồm:

1. 현장 수출입품은 다음을 포함한다:

a) Sản phẩm gia công; máy móc, thiết bị thuê hoặc mượn; nguyên liệu, vật tư dư thừa; phế liệu, phế phẩm thuộc hợp đồng gia công theo quy định tại khoản 3 Điều 32 Nghị định số 187/2013/NĐ-CP;

a) 가공품; 임대 또는 빌린 기계 및 장비; 과잉 원자재 및 물자; 제187/2013/ND-CP호 의정 제32조 제3항에 규정된 가공 계약에 따른 폐기 및 결함 제품;

b) Hàng hóa mua bán giữa doanh nghiệp nội địa với doanh nghiệp chế xuất, doanh nghiệp trong khu phi thuế quan;

b) 국내기업과 수출가공기업, 비관세지역 기업 간에 구매 및 판매되는 물품

c) Hàng hóa mua bán giữa doanh nghiệp Việt Nam với tổ chức, cá nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam và được thương nhân nước ngoài chỉ định giao, nhận hàng hóa với doanh nghiệp khác tại Việt Nam.”

c) 베트남 기업과 베트남에 주재하지 않으며 베트남의 다른 기업과 물품을 인도하고 수령하도록 외국인 무역업자가 지정한 외국 조직 및 개인 간에 구매 및 판매되는 물품.”

Như vậy trường hợp xuất hàng vào kho ngoại quan không phải là xuất khẩu tại chỗ.

그러므로 세관 창고에 물품을 수출하는 경우는 현장수출이 아닙니다.

**Hải quan:**

**세관:**

- Về thủ tục xuất nhập khẩu tại chỗ: Thực hiện như nội dung trả lời tại điểm 1.1 trên và Điều 86 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính (sửa đổi, bổ sung tại khoản 58 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ tài chính)

- 현장수출입 절차에 대해서: 위의 제1.1 점에서 답변한 내용과 2015년 3월 25일에 재무부의 제38/2015/TT-BTC호 시행규칙 제86조에 따라 이행합니다. (2018년 4월 20일에 재무부의 제39/2018/TT-BTC호 시행규칙 제58조 제1항 수정 및 보완)

- Về thủ tục xuất, nhập hàng ra, vào kho ngoại quan: Thủ tục hải quan đối với hàng hóa đưa từ khu phi thuế quan hoặc từ nội địa vào kho ngoại quan: Theo khoản 2 Điều 91 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính (sửa đổi, bổ sung tại khoản 59 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ tài chính)

- 세관 창고에 입출 수출입 절차에 대해서: 비관세 구역 또는 국내로부터 세관 창고에 반입되는 물품에 대한 세관 절차: 2015년 3월 25일에 재무부의 제38/2015/TT-BTC호 시행규칙 제91조 제2항에 따라 (2018년 4월 20일에 재무부의 제39/2018/TT-BTC호 시행규칙 제58조 제1항 수정 및 보완)

Căn cứ các quy định trên, đối với thủ tục xuất nhập khẩu tại chỗ, lô hàng sẽ được giao nhận giữa 02 doanh nghiệp nội địa tại Việt Nam theo chỉ định của bên nước ngoài hoặc hàng hóa mua bán giữa doanh nghiệp nội địa và doanh nghiệp chế xuất/doanh nghiệp trong khu phi thuế quan. Trong khi đó, đối với thủ tục xuất, nhập kho ngoại quan, lô hàng mua bán giữa doanh nghiệp tại Việt Nam (doanh nghiệp nội địa hoặc doanh nghiệp chế xuất/doanh nghiệp trong khu phi thuế quan) với chủ sở hữu lô hàng lưu giữ trong kho ngoại quan (theo hợp đồng thuê kho). Địa điểm giao, nhận hàng là tại kho ngoại quan.

위의 규정에 의거하여 현장 수출입 절차에 대해 화물은 외국 당사자가 지정한 베트남 내 02개 국내 기업 간에 배송되거나 국내기업과 수출가공기업/비관세지역 기업 간에 구매 및 판매되는 물품입니다. 한편, 세관 입출고 절차에 대해서는 (창고 임대 계약에 따라) 세관 창고에 보관된 화물의 소유자와 베트남 기업 (국내기업 또는 수출가공기업/비관세지역 내 기업) 간에 구매 및 판매된 화물입니다. 인도 및 수령 장소는 세관 창고입니다.

**Điện lực**

**전력 관련 문제**

***Câu 8:*** *Những khó khăn liên quan đến nguồn điện sản xuất của KIB*

1. *Để đáp ứng cho việc sản xuất full công suất, KIB rất cần cung cấp 17,8MW dung lượng điện như đã đăng ký.*

*2. Theo như thông tin nắm bắt, Công việc lắp đặt trụ T52 đã hoàn thành vào cuối tháng 9, tuy nhiên công việc lắp đặt đường dây hiện đang bị chậm trễ.*

*3. Các khó khăn và nhu cầu của KIB*

 *1) Chúng tôi hy vọng rằng sẽ kết thúc việc bồi thường thiệt hại và hoàn thành công việc lắp đặt đường dây trong tháng 10.*

 *2) Để có thể nhận được 17.8MV như đã đăng ký thông qua đường dây mới trong tháng 11, Chúng tôi rất mong sự hỗ trợ tích cực từ EVN SPC Bình Dương về việc ký lại hợp đồng thay đổi công suất mua bán điện và việc phê duyệt đấu nối máy biến áp T3 được tiến hành một cách thuận lợi.*

*3) Nếu công việc lắp đặt đường dây không thể hoàn thành trước tháng 12, chúng tôi mong rằng phía Tập đoàn Điện lực Việt Nam hỗ trợ nâng công suất cung cấp tạm thời lên 17,8MW bằng đường dây cung cấp điện hiện hữu cho đến khi hoàn thành công việc như dự kiến. (công ty Kolon)*

*KIB 전력 관련 애로 사항*

*1. Full Capa 생산을 위해 KIB에서 신청한 17.8MW 전력 공급이 하루 빨리 필요함.*

*2. 9월말 T52 철탑 설치작업은 완료되었으나, 송전 선로 설치 작업이 현재 지속 지연되고 있음.*

*3. KIB 요구 및 애로사항*

 *1) 10월 내 선하지 보상금 지급 완료 및 송전선로 설치 작업 마무리 희망*

 *2) 11월 내 신규 선로를 통해 17.8MW 전력 공급이 가능하도록 EVN SPC 빈증 지점과 계약 용량 변경 및 T3 신규 변압기 연결 승인이 원할히 진행될 수 있도록 협조 희망*

 *3) 만약 12월까지 신규 선로 작업 마무리가 불가능할 경우, 작업 완료 예상 시점까지 현재 사용중인 기존 선로를 이용하여 17.8MW 전력을 임시 공급 가능하도록 EVN SPC측과 협조 요청*

***Trả lời/답:***

1. Để đảm bảo cấp điện cho khu vực huyện Bàu Bàng và các khu vực lân cận, ngành Điện đang triển khai thực hiện đầu tư xây dựng các công trình lưới điện 110kV, 220kV *(Công trình Đường dây 110kV trạm 220kV Chơn Thành - trạm 220kV Bến Cát; Đường dây 220kV Chơn Thành - Bến Cát)* theo đúngQuy hoạch phát triển điện lực tỉnh Bình Dương giai đoạn 2016-2025, có xét đến năm 2035 được Bộ Công thương phê duyệt tại Quyết định số 326/QĐ-BCT ngày 03/02/2017. Tuy nhiên trong thời gian qua, do gặp nhiều trở ngại trong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng (BTGPMB) nên đến nay các công trình này vẫn chưa thể thi công hoàn tất để đóng điện. Hiện nay, ngành Điện đang chủ động, tích cực phối hợp với địa phương tiếp tục giải quyết trở ngại trong công tác BTGPMB và đẩy nhanh tiến độ thi công để sớm hoàn thành đóng điện đưa vào vận hành các công trình nêu trên trong thời gian sớm nhất nhằm giảm tải lưới điện hiện hữu, đảm bảo khả năng cấp điện cho phụ tải khu vực huyện Bàu Bàng.

1) Bau Bang 현과 주변 지역의 전력 공급을 보장하기 위해 전기 산업은 2035년까지를 고려한2016~2025년 기간2017년 2월 3일에 산업무역부의 제326/QD-BCT호 결정에서 승인되는 Binh Duong성 전력 개발 계획에 따라 110kV 및 220kV 전력망 프로젝트 건설 *(Chon Thanh 110kV 라인 220kV 스테이션 - Ben Cat 220kV 스테이션 프로젝트; Chon Thanh - Ben Cat 220kV 라인)*에 대한 투자를 시행하고 있습니다. 그러나 그동안 토지 해제를 위한 보상 작업에 많은 장애물이 있었기 때문에 지금까지 이러한 공사를 완료하지 못했습니다. 기존 전력망의 부하를 줄이고 Bau Bang 현의 부하에 전기를 공급할 수 있는 능력을 보장하기 위해 현재 전기 산업은 적극적으로 지방과 협력하여 토지 해방 보상 작업의 장애물을 계속 해결하고 빠른 시일 내에 상술한 공사 운영에 대한 전기 공급을 완료하기 위해 공사 진행에 박차를 가하고 있습니다.

1. Về phương án giải quyết nhu cầu sử dụng điện của Công ty KIB nói riêng và phụ tải trong KCN Bàu Bàng mở rộng nói chung thì hiện nay ngành Điện đang rà soát phương án thực hiện thi công trước đoạn từ ngăn lộ 178 trạm Bến Cát 2 – trụ 235A – trụ 52 – ngăn lộ 171 Lai Hưng (*đoạn đường dây 4 mạch: 02 mạch 220kV, 2 mạch 110kV)*, với thời gian dự kiến cắt điện thi công đấu nối hoàn thành vào cuối tháng 11/2023. Sau khi hoàn tất đóng điện hạng mục công trình trên thì PCBD sẽ đảm bảo việc cấp điện theo nhu cầu sử dụng điện của Công ty KIB là 17,8MW (tăng thêm 5,8MW).

2) 일반적으로 Bau Bang 산업 단지의 부하 및 특히KIB 회사의 전력 수요 해결 방안에 대해, 현재 전기 산업은 2023년 11월 말 전원 차단 및 연결 공사 완료 될 예정으로 178 Ben Cat 2 정류장 - 235A 주선 - 52 주선 - 171 Lai Hung 교차*(4 회로 배선: 220kV 2회선, 110kV 2회선)*로 구간을 미리 건설하는 방안을 검토하고 있습니다. 위 프로젝트 항목의 통전 완료 후 PCBD는 KIB사의 전력 수요 17.8MW(5.8MW 증가)에 따른 전력 공급을 보장하게 됩니다.

1. Về việc Thỏa thuận lắp máy biến áp T3 trạm biến áp 110kV Bàu Bàng (Kolon): Tổng Công ty Điện lực miền Nam (EVNSPC) đã có văn bản số 4814/EVNSPC-KT ngày 20/6/2023 phúc đáp các nội dung liên quan gửi đến Công ty KIB, trong đó có nêu nội dung liên quan đến tính chất pháp lý của việc thỏa thuận đấu nối là Công ty KIB phải phối hợp với các đơn vị liên quan báo cáo UBND tỉnh Bình Dương, Bộ Công thương xem xét chấp thuận phương án gia hạn đấu nối tạm TBA 110kV Bàu Bàng (3x15MVA) trên tuyến đường dây 110kV trạm 220kV Bến Cát – Lai Uyên – Far Eastern *(theo văn bản số 9333/BCT-ĐL ngày 09/10/2017 thì công tác đấu nối tạm hết hạn khi đóng điện trạm 220kV Bến Cát).* Tuy nhiên, đến nay ngành Điện chưa nhận được văn bản chấp thuận phương án gia hạn đấu nối tạm nêu trên từ Bộ Công thương nên ngành Điện chưa có cơ sở pháp lý để thỏa thuận đấu nối cho công trình lắp máy biến áp T3 trạm biến áp 110kV Bàu Bàng (Kolon). Vì vậy, đề nghị Công ty KIB sớm thực hiện hoàn tất các nội dung phúc đáp của EVNSPC tại văn bản số 4814/EVNSPC-KT ngày 20/6/2023 về thỏa thuận đấu nối cho dự án máy biến áp T3 trạm biến áp 110kV Bàu Bàng (Kolon), sau thực hiện hoàn tất các nội dung đề nghị tại văn bản này, Công ty KIB gửi hồ sơ về EVNSPC để thực hiện thỏa thuận đấu nối theo quy định.

3) 110kV Bau Bang(Kolon) 변전소에 변압기 T3을 설치하기로 한 계약에 관하여: 남부 전력 공사 (EVNSPC)은 KIB 회사에 전송된 관련 내용에 대해 2023년 6월 20일에 제4814/EVNSPC-KT호 문서를 발행했습니다. 연결 계약의 법적 성격과 관련된 내용은 KIB 회사가 Binh Duong성 인민위원회에 보고하기 위해 관련 부서와 협력해야 한다는 것이고 산업무역부는 220kV Ben Cat - Lai Uyen - Far Eastern의 110kV 라인에서 110kV Bau Bang 변전소(3x15MVA)의 임시 연결 연장 계획을 검토하고 승인합니다. *(2017년 10월 9일에 제9333/BCT-DL호 문서에 따르면 220kV Ben Cat 스테이션에 전원을 공급하면 임시 연결이 만료됩니다).* 그러나 현재까지 전기 산업은 산업무역부로부터 상기 임시연계 연장계획을 승인하는 서류를 받지 못했기 때문에 110kV Bau Bang 변압기 (Kolon)의 T3 변압기 설치를 협상할 법적 근거가 없습니다. 따라서 KIB 회사에 110kV 변압기 Bau Bang (Kolon) 프로젝트를 위한 T3 변압기 프로젝트에 대한 입찰 협정에 대한 2023년 06월 20일에 제4814/EVNSPC-KT호 문서 남부 전력 공사의 응답 내용을 조속히 이행할 것을 요청합니다. 본 문서에 제시된 요구 사항을 완료한 후 KIB 회사는 규정에 따라 상호접속 계약을 이행하기 위해 서류를 남부 전력 공사에 제출합니다.

 **Hải quan**

**세관국 :**

***Câu 9:*** *Do hiện nay loại hình xuất nhập khẩu tại chỗ đang bị đình chỉ, buộc lòng doanh nghiệp phải mua nguyên liệu thô từ các nhà máy khác làm cho gánh nặng tài chính tăng lên rất nhiều. Kính mong Quý cơ quan xem xét triển khai loại hình xuất nhập khẩu tại chỗ.*

*현장 수출입 금지로 인해, 원부자재 구매를 임가공 공장에서 해야되기 때문에 추가 자금 부담이 생깁니다. 현장 수출입 제도를 다시 시행해 주기 바랍니다.*

**Trả lời/답:**

Về thủ tục xuất nhập khẩu tại chỗ, theo qui định thực hiện như sau:

현장 수출입 절차와 관련하여 다음 규정에 따라 다음과 같습니다.

- Theo khoản 1 Điều 35 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định về *thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ bao gồm:*

- *현장 수출입품에 대한 통관 절차를 규제하는* 정부의 2015년 1월 21일에 제08/2015/ND-CP호 의정 제35조 제1항에 따라 *다음을 포함합니다.*

*a) Hàng hóa đặt gia công tại Việt Nam và được tổ chức, cá nhân nước ngoài đặt gia công bán cho tổ chức, cá nhân tại Việt Nam;*

*a)베트남에서 가공을 주문하고 외국 단체와 개인이 베트남의 조직과 개인에게 판매하는 물품*

*b) Hàng hóa mua bán giữa doanh nghiệp nội địa với doanh nghiệp chế xuất, doanh nghiệp trong khu phi thuế quan;*

*b)비관세 지역 내 기업 및 제조업체와 국내 기업 간에 거래되는 물품*

*c) Hàng hóa mua bán giữa doanh nghiệp Việt Nam với tổ chức, cá nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam và được thương nhân nước ngoài chỉ định giao, nhận hàng hóa với doanh nghiệp khác tại Việt Nam.*

*c)베트남 기업과 베트남에 주재하지 않으며 베트남의 다른 기업과 물품을 인도하고 수령하도록 외국인 무역업자가 지정한 외국 조직 및 개인 간에 구매 및 판매되는 물품*

- Liên quan đến xử lý vướng mắc thủ tục xuất nhập khẩu tại chỗ, Cục Hải quan tỉnh Bình Dương đã có công văn trả lời cho Chi hội Doanh nghiệp đầu tư Hàn Quốc tại tỉnh Bình Dương (KOCHAM Bình Dương) tại công văn số 1861/HQBD-GSQL ngày 26/7/2023 về việc tháo gỡ vướng mắc của doanh nghiệp Hàn Quốc tại Bình Dương.

현장 수출입 절차 문제 처리 관련 Binh Duong성 관세청은 Binh Duong에 있는 한국 기업의 문제 해결에 대한 2023년 7월 26일에 제1861/HQBD-GSQL호 공문에 Binh Duong성 한국투자기업협회 (KOCHAM Binh Duong)에 공식 답변을 보냈습니다.

- Bên cạnh đó, thực hiện ý kiến kết luận của Phó Thủ tướng Lê Minh Khái tại Thông báo số 39/TB-VPCP ngày 11/02/2022 của Văn phòng Chính phủ liên quan đến xuất nhập khẩu tại chỗ quy định tại Điều 35 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP: *“Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát, hoàn thiện dự thảo Nghị định, đồng thời đánh giá, tổng kết việc thực hiện quy định về hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ quy định tại khoản 1 Điều 35 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP, trong đó cần nêu rõ pháp lý, kết quả thực hiện, mặt được, mặt chưa được, tác động ảnh hưởng và đề xuất kết quả xử lý. Trên cơ sở đó, báo cáo Thường trực Chính phủ xem xét, cho ý kiến về việc ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 08/2015/NĐ-CP và hướng dẫn xử lý đối với quy định tại khoản 1 Điều 35 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP.* Ngày 05/6/2023, Tổng cục Hải quan có công văn số 2762/TCHQ-VP về việc triệu tập công chức tham gia Hội thảo lấy ý kiến sửa đổi, bổ sung Điều 35 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP. Trên cơ sở đó, Cục Hải quan tỉnh Bình Dương đã gửi thư mời tham gia Hội thảo đến các doanh nghiệp xuất nhập khẩu, Đại lý Hải quan, các Chi hội (trong đó có KOCHAM Bình Dương). Thông qua Hội nghị, các doanh nghiệp đã tham gia đóng góp ý kiến, kiến nghị để Tổng cục Hải quan tổng hợp trình cấp trên xem xét, tháo gỡ vướng mắc trên tinh thần tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp.

또한, 제08/2015/NĐ-CP호 의정 제35조에 명시된 현장 수출입에 관하여 2022년 02월11일에 정부사무국에 의해 발행된 제39/TB-VPCP호 통지서에서 “*재무부는 의정의 초안을 검토 및 완료하기 위해 관련 기관을 주관하고 협조해야 하며, 제08/2015/NĐ-CP호 의정 제35조에 명시된 현장 수출입품에 관한 규정의 이행을 평가 및 요약하고, 그 중에 법적 근거, 이행 결과, 얻은 점과 못한 점 및 영향을 명확하게 명시하고 처리조치를 명확하게 제안해야 합니다. 이를 바탕으로 정부 상임위원회에 보고하여 제08/2015/NĐ-CP호 의정 일부 조항을 개정∙보완하는 의정의 발행, 제08/2015/NĐ-CP호 의정 제35조제1항의 규정에 대한 처리방향에 대해 검토하고 의견을 제시하도록 해야 합니다*”라고 명시된 Le Minh Khai 부총리의 결론 의견을 이행합니다. 2023년 6월 5일에 관세청은 제08/2015/NĐ-CP호 의정 제35조의 수정 및 보완에 대한 의견을 수집하기 위한 워크숍에 공무원을 소환하는 것에 관한 제2762/TCHQ-VP호공식 파견을 발행했습니다. 이에 따라 Binh Duong성 관세청은 수출입업체, 관세청, 협회(KOCHAM Binh Duong 포함)에게 세미나 참가 초청장을 보냈습니다. 회의를 통해 기업은 기업의 수출입 활동에 유리한 조건을 조성한다는 정신으로 장애물을 고려하고 제거하기 위해 관세청이 종합하고 상급자에게 제출할 의견과 권고 사항을 제출했습니다.

**Công an PCCC – Cứu hộ cứu nạn**

**소방국 관련 문제**

***Câu 10:*** *Khi xây dựng nhà máy mới, chúng tôi đã được cơ quan PCCC chấp thuận thiết kế, nhưng sau khi quy định về PCCC thay đổi, nếu áp dụng quy định mới cho công trình đã xây sẵn có theo quy định cũ thì phải dỡ bỏ công trình và xây dựng lại. Mong rằng cơ quan chức năng khi kiểm tra sẽ không áp dụng quy định mới cứng nhắt vào công trình cũ. Cụ thể, chúng tôi đã dựng mái tôn giữa các tòa nhà để tránh mưa nhưng không làm cản trở hoạt động PCCC.*

*공장을 신축할때 이미 소방국의 승인을 받아서 했는데, 소방규정이 바뀌고 나서, 바뀐 규정을 이미 지어진 공장에 적용하면 , 공장을 허물고 다시 지어야 합니다. 바뀐 규정을 소급해서 적용하지 말아 주시길 바랍니다. 건물과 건물 사이 비를 피하기 위해 양철지붕을 만들었는데, 소방활동에 지장이 없는 경우는 봐주었으면 좋겠습니다.*

**Trả lời/답:**

Việc áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật phải tuân thủ theo Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006 của Quốc hội, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2007; Luật số 35/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

표준 및 기술 규정의 적용은2006년 6월 29일에 국회 발행되고2007년 1월 1일부터 발효되는 제68/2006/QH11호 표준 및 기술 규정에 관한 법률; 기획과 관련된 37개 법률의 일부 조항을 수정, 보완하는 2018년 11월 20일에 국회 발행되고2019년 1월 1일부터 발효되는 제35/2018/QH14호 법률을 준수해야 합니다.

Lưu ý: Đối với các công trình đã được thẩm duyệt theo QCVN 06, TCVN 3890, TCVN 7336, TCVN 5738 phiên bản trước, nay thẩm duyệt điều chỉnh hoặc cải tạo mà thiết kế điều chỉnh, cải tạo không làm thay đổi quy mô, công năng chính của nhà thì cho phép lựa chọn áp dụng phiên bản QCVN 06, TCVN 3890, TCVN 7336, TCVN 5738 tại thời điểm cấp giấy thẩm duyệt để thẩm duyệt điều chỉnh mà không phải sử dụng quy chuẩn, tiêu chuẩn mới để không làm thay đổi giải pháp an toàn cháy tổng thể của công trình, ngoại trừ các trường hợp chuyển tiếp đã được quy định cụ thể trong từng quy chuẩn, tiêu chuẩn.

비고: QCVN 06, TCVN 3890, TCVN 7336, TCVN 5738 이전 버전에 따라 승인된 프로젝트의 경우 현재 조정 또는 개조된 디자인이 주택의 규모나 주요 기능을 변경하지 않는 조정 또는 개조를 승인하고 있으면, 공사의 전체적인 화재 안전 솔루션을 변경하지 않도록 새로운 표준과 표준을 사용하지 않고 조정 승인을 위해 승인서를 발급하는 시점에 QCVN 06, TCVN 3890, TCVN 7336, TCVN 5738 버전을 적용하는 옵션을 허용합니다. 각 표준 및 규격에 명시된 중계 사례는 예외로 한다. 다만, 각 규정 및 규격에서 특별히 규정한 인계 경우는 제외합니다.

- Đối với trường hợp Chủ đầu tư tự ý **“dựng mái tôn giữa các tòa nhà để tránh mưa”** : Chủ đầu tư đã vị phạm Quy định tại Nghị định 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình. Cụ thể:

- 투자자가 임의로 **“비를 피하기 위하여 건물 사이에 골함석지붕을 임의로 세운”** 경우: 화재 예방 및 예방; 구조 및 회수; 가정 폭력을 예방하고 퇴치; 사회악 예방; 사회 안전, 질서 및 보안 분야에서 행정 위반의 처벌에 관한 규정하는 2021년 12월 31일에 제144/2021/ND-CP호 의정에서 투자자가 규정을 위반했습니다. 구체적으로:

Điều 39. Vi phạm quy định về khoảng cách an toàn phòng cháy và chữa cháy và ngăn cháy, Khoản 3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi làm trần, sàn, vách ngăn, mái che hoặc để vật liệu dễ cháy ở những nơi không được phép.

제39조. 화재 예방 및 소방 안전 거리 규정 위반, 제3항. 천장, 바닥, 칸막이, 지붕을 만들거나 인화성 물질을 승인되지 않은 장소에 배치한 경우5.000.000 VND ~10.000.000 VND의 벌금

***Câu 11:*** *“13 năm trước, khi vào Việt Nam chúng tôi đã chuyển nhà máy từ Philipines sang Việt Nam nghe nói ở Việt Nam có nhiều ưu đãi. Tuy nhiên các quy định ngày càng trở nên khắt khe hơn, việc xin các loại giấy tờ ngày càng khó khăn hơn và việc cấp phép lao động cho người nước ngoài cũng ngày càng khó khăn hơn. Kể từ khi đại dịch covid bùng phát, nền kinh tế toàn cầu trở nên xấu đi, tất cả các công ty đều gặp khó khăn. Gần đây kiểm tra thuế và hải quan đã giảm bớt, nhưng tần xuất kiểm tra PCCC và môi trường trở nên nhiều và nghiêm ngặt hơn. Tôi mong rằng cơ quan chức năng sẽ giảm tần xuất kiểm tra công ty”. (công ty Unique International)*

*13년전 베트남에 진출할 때는 많은 혜택이 있다고 해서 공장을 필리핀에서 베트남으로 옮겼습니다. 그러나, 갈수록 규제도 심해지고, 인허가 받는 것도 어려워지고, 외국인 노동허가 받는 것도 힘들어 집니다. 코로나때부터 세계 경제가 나빠져서 모든 기업들이 힘들고 있습니다. 최근 세무조사와 세관조사는 줄어들었는데 반하여, 소방검사와 환경검사가 심해졌습니다. 조사 횟수를 줄여 주시면 좋겠습니다.*

**Trả lời/답:**

Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP, Thời gian kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy, cụ thể:

제136 /2020/ND-CP 호 의정 제13조 제3항의 규정에 근거하여, 화재 예방 및 소방 안전 점검 기간, 구체적으로:

Cơ quan Công an có trách nhiệm kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy định kỳ 06 tháng một lần đối với các cơ sở thuộc danh mục quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này. Hiện nay, Bộ Công an cũng đã tham mưu, để xuất Thủ tướng Chính phủ dự thảo sửa đổi, bổ sung Nghị định số 136/2020/NĐ-CP theo hướng kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy định kỳ 01 năm một lần.

경찰서는 본 의정과 함께 발행된 부록 II에 명시된 목록에 있는 시설에 대해 6개월마다 정기적으로 화재 예방 및 진압 안전을 점검할 책임이 있습니다. 현재 공안부는 1년마다 정기적인 화재 예방 및 전투 안전 검사를 실시하는 방향으로 제136/2020/ND-CP호 의정을 수정하고 보완하는 초안을 총리에게 권고하고 제안했습니다.

**Câu 12: Vấn đề nghiệm thu và biện pháp phòng cháy chữa cháy**

**소방 검사 및 조치 문제**

1. Do các quy định về phòng cháy chữa cháy thường xuyên thay đổi nên mỗi lần nghiệm thu phòng cháy chữa cháy lại áp dụng quy định mới, khiến các doanh nghiệp bị bắt lỗi, tốn nhiều thời gian và chi phí để thực hiện theo nội dung này.

(1) 소방 규정의 잦은 변경 등으로, 매번 소방 점검 시마다 이에 대한 신 규정 적용과 지적사항을 받게 되고, 지적 사항에 대한 이행 등으로 기업은 많은 시간과 비용을 부담하고 있는 상황.

(2) Cần có hướng dẫn trước chi tiết về những thay đổi trong quy định về phòng cháy chữa cháy, cần có đủ thời gian để các công ty áp dụng quy định và chuẩn bị.

(2) 소방 규정 변경에 대한 자세한 사전 안내와, 기업의 규정 적용과 준비를 위한 충분한 유예기간 요망.

(3) Cần thực hiện biện pháp hành chính phù hợp hơn với doanh nghiệp và hỗ trợ để áp dụng hồi tố các quy định về phòng cháy chữa cháy.

(3) 소방 규정의 소급 적용에 대해서는 보다 기업 친화적인 행정 조치와 지원 요망.

**Trả lời/답:**

1. Việc áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật phải tuân thủ theo Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006 của Quốc hội, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2007; Luật số 35/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

기술 표준 및 기준의 적용은 2006년 6월 29일에 국회에 의해 발행되고 2007년 01월 01일부터 시행된 제68/2006/QH11호 기술 표준 및 기준법; 계획에 관한 제37호 법의 일부 조항 개정∙보완에 관하여 2018년 11월 20일에 국회에 의해 발행되고 2019년 01월 01일부터 시행된 제35/2018/QH14호 법을 준수해야 합니다.

Đối với những công trình đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy chữa cháy theo QCVN 06, TCVN 3890, TCVN 7336, TCVN 5738 phiên bản trước thì vẫn nghiệm thu theo hồ sơ thiết kế đã được thẩm duyệt về phòng cháy chữa cháy (PCCC).

QCVN 06, TCVN 3890, TCVN 7336, TCVN 5738 이전본에 따라 소방 설계 승인을 받은 프로젝트의 경우 여전히 승인된 소방 설계 서류에 따라 점검합니다.

Trường hợp trong quá trình nghiệm thu về PCCC, cơ sở có cải tạo phát sinh thêm các hạng mục, công trình không có trong hồ sơ thẩm duyệt thiết kế về PCCC thì phải thực hiện thẩm duyệt thiết kế điều chỉnh về PCCC. Công trình đã được thẩm duyệt thiết kế theo QCVN 06, TCVN 3890, TCVN 7336, TCVN 5738 phiên bản trước, nay thẩm duyệt điều chỉnh hoặc cải tạo mà thiết kế điều chỉnh, cải tạo không làm thay đổi quy mô, công năng chính của nhà thì cho phép lựa chọn áp dụng phiên bản QCVN 06, TCVN 3890, TCVN 7336, TCVN 5738 tại thời điểm cấp giấy thẩm duyệt để thẩm duyệt điều chỉnh mà không phải sử dụng quy chuẩn, tiêu chuẩn mới để không làm thay đổi giải pháp an toàn cháy tổng thể của công trình, ngoại trừ các trường hợp chuyển tiếp đã được quy định cụ thể trong từng quy chuẩn, tiêu chuẩn.

소방 승인 과정에서 시설이 개조되어 소방 설계 승인 서류에 포함되지 않은 추가 항목 및 공사가 발생한 경우 소방 조정 설계 승인을 수행해야 합니다. 본 프로젝트는 QCVN 06, TCVN 3890, TCVN 7336, TCVN 5738 이전본에 따라 설계 승인을 받았고 현재 조정 또는 개조 승인시 해당 조정 또는 개조 설계로 인해 건물의 규모나 주요 기능이 변경되지 않을 경우 각 표준 및 기준에서 구체적으로 규정한 경과조치를 취하는 경우를 제외하고 프로젝트 전체의 화재 안전 솔루션을 변경하지 않도록 조정 승인을 위해 승인서 발급 시 신규 표준 및 기준을 사용하지 않고도 QCVN 06, TCVN 3890, TCVN 7336, TCVN 5738을 적용하기로 선택할 수 있습니다.

1. Đối với lĩnh vực PCCC và CNCH, khi các văn bản quy phạm pháp luật được ban hành đều có thời gian để nghiên cứu thực hiện (đối với nghị định, thông tư, quy chuẩn về PCCC, thông thường từ 45 đến 60 ngày kể từ ngày văn bản được ký ban hành mới được áp dụng) và đều được đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng, cổng thông tin điện tử tỉnh, cổng thông tin điện tử công an tỉnh. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân phải nghiên cứu thực hiện đảm bảo theo quy định về PCCC (lưu ý phạm vi áp dụng của các văn bản, căn cứ áp dụng).

소방 및 구호구난 분야의 경우 법률 문서 발행시 항상 연구 및 시행에 필요한 시간이 있으며 (소방에 관한 의정, 시행규칙, 표준의 경우 일반적으로 문서 서명 및 발행일로부터 45~60일 이후에야 시행됩니다.) 대중매체, 성 전자정보포털, 성 경찰청 전자정보포털에 게시합니다. 조직 및 개인은 소방에 관한 규정을 준수하도록 연구하고 시행할 책임이 있습니다(문서 적용 범위 및 적용 근거에 유의해야 합니다.)

Thời gian vừa qua Lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh Bình Dương đã chủ động hướng dẫn, tuyên truyền các giải pháp đảm bảo an toàn PCCC đến từng loại hình cơ sơ và tổ chức nhiều hội nghị tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, cũng như các đơn vị tư vấn thiết kế, thi công, lắp đặt hệ thống PCCC, ... để các đơn vị, chủ đầu tư nắm bắt và thực hiện đảm bảo các quy định về PCCC. Để kịp thời nắm bắt các quy định của pháp luật, chủ đầu tư có thể liên hệ các đơn vị tư vấn thiết kế về PCCC hoặc liên hệ cơ quan Cảnh sát PCCC và CNCH để được hướng dẫn kịp thời.

그 동안 Binh Duong성 경찰청 소방구난구호팀은 각 유형의 시설에 소방 안전 보장 솔루션을 적극적으로 안내하고 전파하며 성 기업들과 소방시스템 설계, 공사, 설치 등 컨설팅업체의 어려움과 문제점을 해결하기 위해 많은 회의를 개최함으로써 각 업체와 투자자가 소방에 관한 규정을 파악하고 시행할 수 있도록 하였습니다. 법률의 규정을 신속하게 파악하기 위해 투자자는 소방에 관한 설계 컨설팅업체나 소방구난구호팀에 연락하여 지침을 신속하게 받을 수 있습니다.

1. Cơ quan Cảnh sát PCCC không áp dụng hồi tố đối với những công trình đã được thẩm duyệt thiết kế, nghiệm thu về PCCC theo tiêu chuẩn, quy chuẩn phiên bản trước (đối với trường hợp không thay đổi công năng, cải tạo, thay đổi tính chất sử dụng công trình, mở rộng quy mô công trình, ...). Trường hợp chủ đầu tư muốn tăng cường các giải pháp an toàn PCCC (đối với công trình đã được thẩm duyệt thiết kế, nghiệm thu về PCCC theo quy định), cụ thể như: Lắp đặt bổ sung hệ thống chữa cháy tự động (bằng nước, khí), hệ thống báo cháy tự động, hệ thống đèn chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn, … thì khuyến khích chủ đầu tư trang bị, lắp đặt theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành.

소방경찰기관은 이전본의 기준 및 표준에 따라 소방 설계 승인을 받고 점검된 공사에 대하여는 소급적용하지 않습니다(기능 변경, 시설 개조 및 이용 성격 변경, 시설 규모 확장 등이 없는 경우). 투자자가 자동소방시스템(물, 가스), 자동화재경보시스템, 비상등 및 유도판 추가 설치 등 소방 안전 솔루션(규정에 따라 소방 설계 승인을 받고 점검된 공사의 경우)을 강화하려는 경우 현행 표준 및 기준에 따라 장비 및 설치할 것을 권장합니다.

**Sở Tài nguyên và Môi trường**

***환경국 관련 문제***

***Câu 13:*** *Khi xây dựng nhà máy, chúng tôi đã nhận được được phê duyệt của Sở TNMT cho tất cả các hạng mục và việc xây dựng đã hoàn thành, nhưng những thay đổi trong quy định về quản lý môi trường nên công trình đã xây dựng phải thay đổi theo quy định mới, dẫn đến chi phí xây dựng quá cao. Trừ những công trình thực sự cần thiết, tôi mong rằng tốt hơn hết là không nên áp dụng các các quy định mới vào công trình đã xây dựng xong.*

*공장이 이미 지어질때 환경국의 승인을 모두 받아서 건축을 완료했는데, 환경 규정이 바뀐 것에 대해 소급 적용을 하니, 공사비용이 너무 많이 들어갑니다. 꼭 필요한 공사가 아니면, 소급 적용을 안하면 좋겠습니다.*

**Trả lời/답:**

Câu hỏi của ông/bà chưa nêu rõ thông tin về các hạng mục phải thay đổi so với hồ sơ môi trường đã được phê duyệt khi áp dụng các quy định mới *(Luật bảo vệ môi trường năm 2020)* nên Sở chưa có cơ sở để giải đáp cụ thể câu hỏi của ông/bà. Đối với các nội dung này Sở xin trả lời như sau:

귀하의 질문에는 새로운 규정*(2020년 환경보호법)*을 적용할 때 승인된 환경 기록과 비교하여 변경해야 하는 항목에 대한 정보가 명확하게 명시되어 있지 않으므로 부는 귀하의 질문에 구체적으로 답변할 수 있는 근거가 없습니다. 해당 내용에 대해 본부는 다음과 같이 답변드리고자 합니다.

Theo Luật Bảo vệ môi trường *(Luật Bảo vệ môi trường năm 1993, Luật Bảo vệ môi trường 2005, Luật Bảo vệ môi trường năm 2014)* và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật trước đây thì các cơ sở, sản xuất, kinh doanh dịch vụ trước khi triển khai dự án phải lập hồ sơ môi trường *(Báo cáo đánh giá tác động môi trường (Báo cáo ĐTM)/Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường/Kế hoạch bảo vệ môi trường/Cam kết bảo vệ môi trường…)* và phải xây dựng các công trình bảo vệ môi trường trước khi đi vào hoạt động, riêng đối với các cơ sở có quy mô phải lập Báo cáo ĐTM thì phải được cơ quan có chức năng xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường theo quy định trước khi đi vào vận hành chính thức.

환경보호법*(1993년 환경보호법, 2005년 환경보호법, 2014년 환경보호법)* 및 이 법의 시행을 안내하는 이전 문서에 따라 시설, 생산, 사업 및 서비스 사업체는 프로젝트를 시행하기 전에 환경 기록 *(환경영향평가보고서(EIA보고서)/환경기준 충족신청서/ 환경보호계획/ 환경보호약정 등)*을 작성해야 하며, 운영에 앞서 환경 보호 공사를 구축해야 합니다. 특히 EIA 보고서를 작성해야 하는 규모의 시설의 경우 공식 운영에 들어가기 전에 관할 기관에서 규정에 따라 환경 보호 작업 완료를 확인해야 합니다.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp hoạt động trước ngày Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 có hiệu lực và có tiêu chí về môi trường *(có phát sinh nước thải, bụi, khí thải xả ra môi trường phải được xử lý hoặc phát sinh chất thải nguy hại (từ 1.200kg/năm trở lên) phải được quản lý theo quy định)* phải có giấy phép môi trường; đồng thời, theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 42 Luật Bảo vệ môi trường thì *“Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 39 của Luật này đã đi vào vận hành chính thức trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành phải có giấy phép môi trường trong thời hạn 36 tháng kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành, trừ trường hợp đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường, giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn môi trường, giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất, giấy phép xử lý chất thải nguy hại, giấy phép xả nước thải vào nguồn nước, giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi (sau đây gọi chung là giấy phép môi trường thành phần). Giấy phép môi trường thành phần được tiếp tục sử dụng như giấy phép môi trường đến hết thời hạn của giấy phép môi trường thành phần hoặc được tiếp tục sử dụng trong thời hạn 05 năm kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành trong trường hợp giấy phép môi trường thành phần không xác định thời hạn”*.

2020년 환경보호법 제39조 2항의 규정에 따라 2020년 환경보호법 발효일 전에 운영되고 환경 기준*(폐수, 먼지, 환경 배출가스 발생시 폐기물을 처리하거나 유해 폐기물의 발생(연 1,200kg 이상)은 규정에 따라 관리하여야 함)*을 갖춘 투자 프로젝트, 시설, 집중 생산, 사업, 서비스 지역, 산업 클러스터는 환경 허가를 받아야 합니다. 동시에 환경 보호법 제42조 제2항제 d점의 규정에 따라 *“이 법률의 시행일 이전에 본 법 제39조 제2항에 규정된 산업단지, 사업, 서비스 및 제조시설은 이 법이 시행되는 날로부터 36개월 이내에 환경허가를 받아야 한다.* *환경기준 증명서, 생산원료인 해외 스크랩 수입에 대한 환경보호 적격 증명서, 유해폐기물 처리 면허, 폐수 원수 방류 면허, 관개시설로의 폐수 방류 허가(이하 통칭하여 성분환경허가라 함),환경 보호 공사의 준공 확인서를 관할 당국에 의해 발급받은 경우는 예외이다. 성분환경허가는 성분환경허가 기간이 종료될 때까지 계속해서 성분환경허가로 사용되거나 성분환경허가의 기간이 무기한인 경우 이 법의 발효일로부터 5년 동안 계속 사용됩니다.*

 Do vậy, trường hợp Công ty ông/bà đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt/xác nhận hồ sơ môi trường *(Báo cáo đánh giá tác động môi trường/Đề án bảo vệ môi trường/Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường)* và thực hiện đúng theo như hồ sơ môi trường đã được cấp; không tăng quy mô, công suất, công nghệ sản xuất hoặc thay đổi khác làm tăng tác động xấu đến môi trường thì tiếp tục duy trì công tác bảo vệ môi trường cho đến thời hạn phải thực hiện thủ tục đề nghị cấp giấy phép môi trường theo quy định tại Điều 42 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Trường hợp, Công ty có những thay đổi trong quá trình hoạt động thì cần căn cứ theo quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 lập lại hồ môi trường *(Báo cáo ĐTM hoặc Giấy phép môi trường)* theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

따라서 귀사가 관계 당국(환경 영향 평가 보고서/환경 보호 프로젝트/환경 표준 등록 양식)으로부터 환경 기록 승인/확인을 받았고 발행된 환경 서류를 준수하는 경우 규모, 용량, 생산기술 또는 기타 환경악화를 증가시키지 않고 2020년 환경보호법 제42조에 규정된 환경허가 신청절차를 이행해야 하는 기한까지 환경보호업무를 계속 유지합니다. 회사가 운영 과정에서 변경사항이 있을 경우, 2020년 환경보호법 37조 규정에 따라 환경기록부(EIA보고서 또는 환경허가서)를 다시 작성해야 합니다.

**Câu 14: Vấn đề nghiệm thu và biện pháp môi trường**

**환경 검사 및 조치 문제**

 (1) Do các quy định về môi trường thường xuyên thay đổi nên mỗi lần nghiệm thu môi trường lại áp dụng quy định mới, khiến các doanh nghiệp bị phê bình, tốn nhiều thời gian và chi phí để thực hiện theo nội dung này.

(1) 환경 규정의 잦은 변경 등으로, 매번 환경 점검 시마다 이에 대한 신 규정 적용과 지적사항을 받게 되고, 지적 사항에 대한 이행 등으로 기업은 많은 시간과 비용을 부담하고 있는 상황.

 (2) Cần có hướng dẫn trước chi tiết về những thay đổi trong quy định về môi trường, gia hạn đầy đủ để các công ty áp dụng quy định và chuẩn bị.

(2) 환경 규정 변경에 대한 자세한 사전 안내와, 기업의 규정 적용과 준비를 위한 충분한 유예기간 요망.

**Trả lời/답:**

Đối với các nội dung (1) và (2) này Sở xin trả lời như sau:

(1), (2)의 내용과 관련하여 본 기관은 다음과 같이 답변드리고자 합니다.

- Theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật trước đây thì các cơ sở, sản xuất, kinh doanh dịch vụ trước khi triển khai dự án phải được cơ quan thẩm quyền phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM)/Kế hoạch bảo vệ môi trường/Cam kết bảo vệ môi trường… phải xây dựng các công trình bảo vệ môi trường và được cơ quan có chức năng xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường theo quy định trước khi đi vào vận hành chính thức.

2014년 환경보호법 및 이전 법 시행 지침서에 따르면, 각 시설, 생산∙영업∙서비스 사업장은 프로젝트를 진행하기 전에 환경영향평가 보고서/환경보호계획/환경보호서약 등에 대해 관할기관의 승인을 받아야 하며, 공식적으로 운영하기 전에 규정에 따라 환경보호시설을 건설하고 관할기관의 환경보호시설완료증명을 받아야 합니다.

- Theo quy định tại khoản 2 Điều 39 và điểm d khoản 2 Điều 42 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp hoạt động trước ngày Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 có hiệu lực và có tiêu chí đối tượng phải có giấy phép môi trường nhưng chưa được cơ quan có chức năng xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường *(theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2014)* thì phải lập hồ sơ cấp giấy phép môi theo quy định.

2020년 환경보호법 제39조제2항 및 제42조제2항제d호의 규정에 따르면 투자 프로젝트, 시설, 집중형 생산∙영업∙서비스 사업장 및 산업 클러스터가 2020년 환경보호법 시행일 이전에 운영되며 환경허가서를 갖춰야 하는 대상에 해당하나 *(2014년 환경보호법에 따라)* 관할기관의 환경보호시설완료증명을 받지 않은 경우 규정에 따라 환경허가서 발급 서류를 작성해야 합니다.

- Theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 42 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì *“Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 39 của Luật này đã đi vào vận hành chính thức trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành phải có giấy phép môi trường trong thời hạn 36 tháng kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành, trừ trường hợp đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường, giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn môi trường, giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất, giấy phép xử lý chất thải nguy hại, giấy phép xả nước thải vào nguồn nước, giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi (sau đây gọi chung là giấy phép môi trường thành phần). Giấy phép môi trường thành phần được tiếp tục sử dụng như giấy phép môi trường đến hết thời hạn của giấy phép môi trường thành phần hoặc được tiếp tục sử dụng trong thời hạn 05 năm kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành trong trường hợp giấy phép môi trường thành phần không xác định thời hạn”*.

2020년 환경보호법 제42조제2항제d호의 규정에 따르면 *“본 법 제39조제2항에 명시된 생산∙영업∙서비스시설, 집중형 생산∙영업∙서비스 사업장 및 산업 클러스터가 본 법 시행일 이전에 공식적으로 운영된 경우에는 관할기관으로부터 환경보호시설완료증명서, 환경기준달성증명서, 해외에서 제조 원료로 스크랩 수입 작업에 관한 환경보호요건구비증명서, 유해폐기물처리면허, 수원에대한폐수방출면허, 관개시설에대한 폐수방출면허(이하 구성요소 환경허가서라 합니다) 발급받은 경우를 제외하고 본 법 시행일로부터 36개월 이내에 환경허가서를 받아야 한다. 구성요소 환경허가서는 구성요소 환경허가서 효력기간이 종료될 때까지 환경허가서로 계속 사용할 수 있으며, 기간 정함이 없는 환경허가서의 경유 본 법 시행일로부터 5년 동안 계속 사용할 수 있다”*라고 규정되어 있습니다.

Do vậy, trường hợp Công ty ông/bà đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt/xác nhận hồ sơ môi trường *(Báo cáo đánh giá tác động môi trường/Đề án bảo vệ môi trường/Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường)* và xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường. Quá trình hoạt động đến nay vẫn thực hiện đúng theo như hồ sơ xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường *(không tăng quy mô, công suất, công nghệ sản xuất, công nghệ xử lý chất thải hoặc thay đổi khác làm tăng tác động xấu đến môi trường…)* thì tiếp tục duy trì công tác bảo vệ môi trường cho đến thời hạn phải thực hiện thủ tục đề nghị cấp giấy phép môi trường theo quy định tại Điều 42 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Trường hợp, Công ty chưa được cơ quan thẩm quyền xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường, quá trình hoạt động có những thay đổi như trên thì Công ty phải lập lại hồ môi trường *(Báo cáo ĐTM hoặc Giấy phép môi trường)* theo quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020và các nội dung thay đổi, điều chỉnh sẽ được xem xét trong quá trình thẩm định giấy phép môi trường.

따라서 귀사의 경우 관할기관으로부터 환경 서류 *(환경영향평가서/ 환경보호제안/환경기준달성등록신청서)* 승인/확인을 받고 환경보호 시설완료확인을 받은 경우에 해당합니다. 현재까지의 운영 과정에서 환경보호시설완료확인서대로 계속 이행한 경우 *(규모, 용량, 생산기술, 폐기물처리기술의 증가 또는 환경에 부정적인 영향을 증가시키는 기타 변경이 없는 경우)* 2020년 환경보호법 제42조의 규정에 따라 환경허가서 신청 절차를 수행해야 할 시점까지 환경보호 작업을 계속 유지합니다. 회사가 관할기관으로부터 환경보호 시설완료확인을 받지 않았거나 운영 과정에 위와 같은 변경사항이 있는 경우 회사는 2020년 환경보호법 제37조의 규정에 따라 환경 서류*(환경영향평가서 또는 환경허가서)*를 다시 작성해야 하며, 변경 및 조정사항은 환경허가서 평가 과정에서 검토받을 것입니다.

 (3) Gần đây, kiểm tra PCCC và môi trường trở nên nhiều và nghiêm ngặt hơn. Chung tôi mong rằng cơ quan chức năng sẽ giảm tần xuất kiểm tra công ty.

(3) 예전보다 소방 검사와 환경 검사가 너무 자주 진행되고 있음. 조사 횟수를 줄여 주시길 요청.

- Theo quy định tại Điều 160 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì số lần thanh tra về bảo vệ môi trường không quá một lần trong năm đối với một tổ chức, cá nhân trừ trường hợp thanh tra đột xuất theo quy định *(khi phát hiện cơ quan, tổ chức, cá nhân có dấu hiệu vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; theo yêu cầu của việc giải quyết khiếu nại, tổ cáo).*

2020년 환경보호법 제160조의 규정에 따르면, 규정에 따른 비정기 점검을 제외하고는 한 조직 또는 개인에 대한 환경보호 검사 횟수가 연 1회를 초과할 수 없습니다. *(기관, 조직 및 개인이 환경보호법을 위반한 징후가 있을 발견하거나 불만사항 및 고발 해결에 필요한 경우)*

 - Thực hiện quy định hằng năm, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tăng cường công tác rà soát để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường trên địa bàn, đảm bảo theo nguyên tắc đảm bảo không chồng chéo, không ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ bình thường của tổ chức, cá nhân.

연간 규정을 시행하여 자원환경청은 점검작업을 강화하여 성 인민위원회에 지역의 환경보호에 대한 검사 및 심사 계획을 발행하도록 권고하며 중복되지 않고 조직과 개인의 정상적인 생산, 영업 및 서비스 활동에 영향을 미치지 않겠다는 원칙을 준수하도록 보장합니다.

- Đối với kiến nghị liên quan đến hoạt động kiểm tra Phòng cháy và chữa cháy, kiến nghị chuyển nội dung câu hỏi đến Công an tỉnh để xem xét, trả lời cho doanh nghiệp theo đúng chức năng nhiệm vụ.

소방 검사 활동과 관련된 권고사항에 대해서는 문의사항을 성 경찰청에 전달하여 올바른 기능과 업무로 검토하여 기업에 답변하도록 권고합니다.

**Bảo hiểm xã hội**

**사회보험 관련 문제**

***Câu 15:*** *Tuy mới chỉ có dự thảo sửa đổi về luật bảo hiểm vào năm 2025 nhưng điều này đã làm rất nhiều công nhân hoang mang, Hiện tại có rất nhiều công nhân nộp đơn nghỉ việc ở cty để đi rút bảo hiểm 1 lần, Vì theo họ nếu chờ đến hết 2023 thì sau này bảo hiểm sửa đổi luật rồi, sẽ khó khăn cho họ không nhận được đủ 100% khi họ muốn rút bảo hiểm xã hội 1 lần. Nên hiện nay rất nhiều người có thời gian đóng bảo hiềm dưới 19 năm muốn nghỉ việc. Điều này gây khó khăn cho DN trong việc tìm kiếm nguồn lao động*

*-->Vậy tỉnh BD có biện pháp nào để giúp các DN ổn định lại tình trạng này?*

*사회보험을 일시적으로 받을수 있게 하다가 2025년 부터 일시불로 못받게 하니까, 많은 공원들이 사회보험을 일시불로 받기 위해 퇴직을 합니다. 이런 부작용에 대해서 대책을 만들어 주십시요.*

**Trả lời/답:**

Về quy định hưởng BHXH một lần, dự thảo Luật đề xuất Quốc hội cho ý kiến đối với 02 phương án sau:

일회성 사회보험 혜택 규정에 관련, 국회제안법안은 다음과 같은 두 가지 방안에 대한 의견을 제시합니다.

- Phương án 1: Quy định việc hưởng BHXH một lần đối với 02 nhóm người lao động khác nhau, gồm:

- 옵션 1: 다음을 포함하여 2개의 서로 다른 근로자 그룹에 대한 일회성 사회보험 혜택을 규제합니다.

+ Nhóm 1: Đối với người lao động đã tham gia BHXH trước khi Luật BHXH (sửa đổi) có hiệu lực, sau 12 tháng nghỉ việc và chưa đủ 20 năm đóng BHXH, có nhu cầu thì được nhận BHXH một lần.

+ 그룹 1: 사회보험법(개정) 시행 이전에 사회보험에 가입한 근로자의 경우, 퇴직 후 12개월, 사회보험금 납부 기간이 20년 미만인 경우 필요한 경우 일회성 사회보험을 받게 됩니다.

+ Nhóm 2: Đối với người lao động bắt đầu tham gia BHXH từ ngày Luật BHXH (sửa đổi) có hiệu lực trở đi (dự kiến 01/07/2025) thì không được nhận BHXH một lần (chỉ giải quyết hưởng BHXH một lần trong các trường hợp như đủ tuổi hưởng lương hưu mà chưa đủ năm đóng để hưởng lương hưu; ra nước ngoài để định cư hoặc bị mắc một trong những bệnh nguy hiểm đến tính mạng theo quy định của Luật BHXH hiện hành).

+ 그룹 2: 사회보험법(개정)이 시행되는 날(2025년 7월 1일 예정)부터 사회보험에 가입하기 시작하는 근로자의 경우 일회성 사회보험을 받을 수 없습니다. (연금 수급 연령에 도달했지만 연금을 받을 수 있는 연한이 충분하지 않은 경우, 현 사회보험법의 규정에 따라 정착을 위해 해외로 출국하거나 생명을 위협하는 질병에 걸린 경우 등의 경우에는 일회성 사회보험 혜택만 처리됩니다.)

- Phương án 2: Sau 12 tháng không thuộc diện tham gia BHXH bắt buộc, không tham gia BHXH tự nguyện và có thời gian đóng BHXH chưa đủ 20 năm mà người lao động có yêu cầu thì được giải quyết một phần nhưng tối đa không quá 50% tổng thời gian đã đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất. Thời gian đóng BHXH còn lại được bảo lưu để người lao động tiếp tục tham gia và hưởng các chế độ BHXH.

- 옵션 2: 의무 사회보험에 가입하지 않은 12개월 후, 자발적인 사회보험에 가입하지 않고 20년 미만의 사회보험 기간을 가진 근로자가 요구하면 일부 해결되지만 전체 기간의 최대 50%가 퇴직 연금 및 사망 기금으로 지출되었습니다. 남은 사회보험 기간은 근로자들이 사회보험 제도에 계속 참여하고 누릴 수 있도록 유지된다.

Dự thảo Luật BHXH sửa đổi bổ sung về việc nhận trợ cấp BHXH một lần với mục tiêu để giảm tình trạng hưởng BHXH một lần, giúp người lao động được thụ hưởng tối đa các quyền lợi dài hạn khi họ đến tuổi nghỉ hưu, dự thảo Luật đã có nhiều sửa đổi, bổ sung theo hướng gia tăng quyền lợi, tăng tính hấp dẫn khuyến khích người lao động bảo lưu thời gian đóng để hưởng lương hưu thay vì nhận BHXH một lần như: giảm điều kiện hưởng lương hưu (giảm từ 20 năm xuống 15 năm); hưởng trợ cấp hằng tháng trong trường hợp có thời gian đóng BHXH mà không đủ điều kiện hưởng lương hưu và chưa đủ tuổi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội; hưởng bảo hiểm y tế do ngân sách nhà nước đảm bảo trong thời gian hưởng trợ cấp hằng tháng; ngoài ra, người lao động trong thời gian bị mất việc chưa có việc làm còn được hưởng chính sách hỗ trợ về tín dụng nhằm giải quyết khó khăn tài chính trước mắt.

근로자들이 퇴직 연령에 도달하면 최대 장기 혜택을 누릴 수 있도록 지원하고 일회성 사회보험 혜택을 받는 상황을 줄이기 위해 일회성 사회보험 혜택을 받는 것에 관한 사회보험법 초안을 개정 및 보완합니다. 법안에는 근로자들이 일회성 사회보험을 받는 대신 연금을 받을 수 있도록 지불 기간을 확보하도록 장려하기 위해 혜택을 늘리고 매력을 높이는 방향으로 많은 개정 및 보완 사항이 있습니다. 예를 들어, 연금 수급 조건의 감소(20년에서 15년으로 감소); 사회보험 납부 기간이 있지만 연금 수급 자격이 없고 사회 연금 혜택을 받을 수 있는 연령이 되지 않은 경우 매월 혜택을 받고 월별 혜택 기간 동안 국가 예산으로 보장되는 건강 보험을 누립니다.

Tuy nhiên đây mới chỉ là dự thảo để trình Quốc hội cho ý kiến. Nhằm hạn chế tình trạng nộp đơn xin nghỉ để hưởng trợ cấp BHXH 1 lần của người lao động. Doanh nghiệp có thể liên hệ với cơ quan BHXH để phối hợp tổ chức các buổi hội nghị tại doanh nghiệp nhằm đẩy mạnh truyền thông về “Những thiệt thòi khi nhận trợ cấp BHXH 1 lần”, “Những lợi ích khi tuổi già có lương hưu” để tránh tình trạng hiểu chưa đúng, gây hoang mang đối với người lao động. Nếu cần phối hợp, trao đổi doanh nghiệp vui lòng liên hệ số điện thoại 0274.3667057 phòng Truyền thông BHXH tỉnh Bình Dương.

그러나 이는 국회에 제출해 의견을 받기 위한 초안일 뿐입니다. 직원이 일회성 사회 보험 혜택을 받기 위해 휴가를 신청하는 상황을 제한하기 위한 것입니다. 근로자들에게 잘못된 이해와 혼란을 피하기 위해 기업은 사회 보험 기관에 연락하여 "일회성 사회 보험 혜택을 받을 때의 단점", "노령 연금 혜택"에 대한 커뮤니케이션을 촉진하기 위해 기업에서 회의를 조직할 수 있습니다. 조정이나 논의가 필요한 경우 기업은 Binh Duong성 사회보험 통신 부서 전화번호 0274.3667057로 문의하세요.

**Sở Xây dựng**

**건설국 관련 문제**

**Câu 16:** *Một số công trình phụ được thi công xây dựng thêm sau khi hoàn công những công trình chính mà công trình này không ảnh hưởng đến PCCC, an toàn lao động như: nhà vệ sinh, nhà xe mở rộng.. thì có phải xin bổ sung giấy phép xây dựng không? xem xét trường hợp này.*

*주 건축물 완공 후 추가 공사된 화장실, 확장 주차장 등 소방에 영향 미치지 않는 부 건축물에 대해 건축 허가서 보완 신청해야 하는지?*

**Trả lời:**  Về các trường hợp miễn giấy phép xây dựng:

Trừ các trường hợp được miễn giấy phép xây dựng theo quy định quy định tại khoản 2 Điều 89 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13, thì trước khi khởi công xây dựng công trình, chủ đầu tư phải có giấy phép xây dựng do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp theo quy định 1 Điều 89 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13.

건설 허가 면제사례에 관하여:

건설법 ​​제50/2014/QH13호 제89조 제2항에 명시된 규정에 따라 건설 허가가 면제되는 경우를 제외하고, 공사 시작하기 전에 투자자는 건설법 ​​제50/2014/QH13호 제89조 제1항에 따라 관할 국가 기관이 발행한 건설 허가증을 보유해야 합니다.

***Câu 17:*** *Công trình nhà dân đã sẵn có trên diện tích đất 900 m2, diện tích xây dựng 860m2 trên 300m2 thổ cư. Công ty đã mua và có chứng nhận Quyền sử dụng đất từ năm 2014. Theo quy định hiện hành thì Công ty có phải xin bổ sung Giấy phép xây dựng cho công trình này không? Làm thế nào để hợp thức hóa cho công trình này? ( công ty SungJin INC Vina)*

*900m2 토지 면적에 이미 지어있는 민가 건축물 (300 m2 택지에 860m2 공사 면적) – 저희 기업은 본 건축불을 구입하여 2014년부터 토지 사용권 증명서를 받았습니다. 현행법규정에 따라 저희 기업은 본 건축물에 대해 건축 허가서 보완 신청해야 하는지? 본 건축물에 대해 어떻게 합법화해야 하는지?*

**Trả lời/답:**

**1.** Về thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng:

1. 건설 허가 발급 권한에 관하여:

Theo khoản 1, khoản 3 Điều 9 quy định phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về đầu tư xây dựng, chất lượng, thi công xây dựng, bảo trì công trình xây dựng, cấp giấy phép xây dựng và quản lý xây dựng theo giấy phép trên địa bàn tỉnh Bình Dương(kèm theo quyết định số: 03/2022/QĐ-UBND ngày 13 tháng 01 năm 2022 của ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)quy định: “*1. Phân cấp cho Sở Xây dựng cấp giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II; công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng và các công trình khác do Ủy ban nhân dân tỉnh giao. 3. Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV và nhà ở riêng lẻ trên địa bàn được giao quản lý.*” Đề nghị chủ đầu tư căn cứ vào cấp công trình để liên hệ cơ quan có thẩm quyền để được hướng dẫn, cấp phép xây dựng theo quy định.

제9조 제1항 및 제3항은 Binh Duong성의 건설 투자, 품질, 건설 공사, 건설 공사 유지, 건설 허가서 발급 및 허가에 따른 건설 관리에 대한 국가 관리 책임의 분산을 규정하며 (Binh Duong성 인민위원회의 2022년 1월 13일에 제03/2022/QD-UBND호 결정에 첨부) 다음과 같이 규정됩니다. “*1*. *특별, I급, II급 공사에 대한 건축 허가를 건설부에 분급; 건설 투자 프로젝트에 속하는 공사 및 기타 성 인민위원회가 배정하는 공사. 3. 현급 인민위원회는 지정된 관리구역 내 3급, 4급 공사 및 개별 주택에 대한 건설 허가서를 발급한다.*”투자자에게 규정에 따라 건설에 대한 지침과 허가를 받기 위해 관할 기관에 연락하기 위해 공사 레벨에 근거할 것을 요청합니다.

**2.** Về điều kiện, hồ sơ cấp giấy phép xây dựng:

2. 건설허가 조건 및 서류에 관하여:

Điều kiện cấp phép xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 41 Nghị định 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 42, 43, 46 Nghị định 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021.

건설 허가 조건은 건설 투자 프로젝트 관리에 관한 여러 내용을 자세히 설명하는 2021년 3월 3일에 제15/2021/ND-CP 호 의정 제41조의 규정에 따라 실시합니다. 건설 허가 요청 서류는 2021년 3월 3일에 제15/2021/ND-CP 호 의정 제42조, 제43조, 제46조의 규정에 따라 실시합니다.

 **Công an/Phòng Quản lý Xuất nhập cảnh:**

 **경찰국/출입국관리실 관련 문제:**

**Câu 18:** Vấn đề về quy định khai báo mỗi khi xuất nhập cảnh

거주 및 해외 출입국 시 신고 규정 문제

(1) Hiện nay, các công dân Hàn Quốc tại tỉnh Bình Dương được yêu cầu phải khai báo trực tuyến mỗi khi xuất nhập cảnh vào Việt Nam.

(1) 빈증성 한국 교민들의 해외 출입국 시 온라인 신고를 매번 해야 한다는 애로사항 및 문제 확인 요청.

(2) ① Người có thẻ cư trú còn thời hạn hiệu lực ② Người không thay đổi nơi cư trú sau khi hoàn tất đăng ký cư trú hợp pháp. Người nước ngoài khi đã đáp ứng cả hai điều kiện ① và ② thì có cần phải khai báo trực tuyến mỗi lần xuất nhập cảnh hay không?

(2) ① 적법한 유효 기간의 거주증을 소지한 자 ② 적법한 거주 등록을 마친 후 거주지 변동이 없는 자 : ①과 ② 조건 모두 충족한 자임에도, 해외 출입국 시 매번 온라인 신고가 필요한 것인지 확인 요청.

(3) Có thông tin rằng người nước ngoài sẽ bị phạt tiền nếu không khai báo mỗi lần xuất nhập cảnh. Nếu đây là thật thì cần hướng dẫn chi tiết về việc ① căn cứ vào quy định pháp lý nào, ② thủ tục và phương thức ra sao.

(3) 이러한 문제로 벌금까지 부과하였다는 소문 또한 사실인지 확인 요청. 만약 사실이라면, ① 어떠한 법 규정에 의한 것인지, ② 절차와 방식은 어떤 것인지 상세한 안내 요망.

(4) Qua đó, kiều bào Hàn Quốc tại tỉnh Bình Dương mong muốn hiểu rõ và tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan của Việt Nam. Tuy nhiên, nếu việc phạt tiền là biện pháp xử phạt hành chính quá mức mà pháp luật không quy định thì cần khắc phục vấn đề này.

(4) 이를 통해 빈증성 한국 교민들은 베트남 관련 법규를 명확히 이해하고 준수하고자 함. 다만, 법 규정에 없는 과도한 행정 조치 사항이면 이에 대한 시정 요망.

**Trả lời/답:**

Người nước ngoài tạm trú tại Việt Nam phải thông qua người trực tiếp quản lý, điều hành hoạt động của cơ sở lưu trú để khai báo tạm trú với Công an xã, phường, thị trấn hoặc đồn, trạm Công an nơi có cơ sở lưu trú. Cơ sở lưu trú có trách nhiệm yêu cầu người nước ngoài xuất trình hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế, giấy tờ liên quan đến cư trú tại Việt Nam để thực hiện khai báo tạm trú trước khi đồng ý cho người nước ngoài tạm trú. Người nước ngoài thay đổi nơi tạm trú hoặc tạm trú ngoài địa chỉ ghi trong thẻ thường trú hoặc khi có sự thay đổi thông tin trong hộ chiếu phải khai báo tạm trú theo quy định (theo Luật số 23/2023/QH15 ngày 25/6/2023 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam và Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam (gọi tắt là Luật số 23/2023/QH15).

베트남에 임시 거주하는 외국인은 숙소를 직접 관리, 운영하는 자를 통해 숙소가 위치한 면, 구, 시사 또는 경찰서 경찰서에 임시 거주 신고를 해야 합니다. 숙박 시설은 외국인에게 임시 거주자 동의 전에 임시 거주 신고를 실시하기 위해 국제 여행 가치가 있는 여권이나 서류를 제출하도록 요청할 책임이 있습니다. 외국인이 영주권 카드에 기재된 주소 이외의 임시거소 또는 임시거소를 변경하거나 여권 정보가 변경된 경우에는 규정에 따라 임시거소를 신고해야 합니다. (2023년 6월 25일에 베트남 시민의 입국 및 출국에 관한 법률과 베트남 내 외국인의 입국, 출국, 경유 및 거주에 관한 법률의 여러 조항을 개정 및 보완하는 국회의 제23/2023/QH15호 법률(제23/2023/QH15호 법률이라고 함)에 따라)

Việc khai báo tạm trú cho người nước ngoài thực hiện qua môi trường điện tử hoặc phiếu khai khai báo tạm trú. Trường hợp khai báo qua phiếu khai báo tạm trú, người trực tiếp quản lý, điều hành hoạt động của cơ sở lưu trú có trách nhiệm ghi đầy đủ thông tin vào phiếu khai báo tạm trú và chuyển đến Công an xã, phường, thị trấn hoặc đồn, trạm Công an nơi có cơ sở lưu trú trong thời hạn 12 giờ, đối với địa bfàn vùng sâu, vùng xa trong thời hạn 24 giờ kể từ khi người nước ngoài đến cơ sở lưu trú (theo Luật số 23/2023/QH15).

외국인의 임시거주신고는 전자환경 또는 임시거주신고서를 통해 이루어집니다. 임시 거주 신고서를 통한 신고의 경우 숙박 시설을 직접 관리하고 운영하는 사람은 임시 거주 신고서에 모든 정보를 기록하고 숙소가 위치한 면, 구, 시사 또는 경찰서의 경우12시간 이내에, 벽지의 경우 외국인이 숙박시설에 도착한 시점부터 24시간 이내에 전달할 책임이 있습니다. (제23/2023/QH15호 법률에 따라)

Hiện nay để tạo điều kiện thuận lợi, đơn giản và nhanh chóng trong việc khai báo tạm trú cho người nước ngoài, Cục Quản lý Xuất nhập cảnh Bộ Công an xây dựng trang thông tin điện tử địa chỉ: [Https://Binhduong.xuatnhapcanh.gov.vn](https://Binhduong.xuatnhapcanh.gov.vn) Qua đó cơ sở lưu trú có người người ngoài đến tạm trú, có thể tạo tài khoản trên trang thông tin điện tử và khai báo tạm trú cho người nước ngoài theo quy định.

현재, 외국인 임시 거주 신고에 있어 유리하고 간단하며 신속한 조건을 만들기 위해 공안부 출입국 관리국에서는 전자 정보 페이지(https://Binhduong.xuatnhapcanh.gov.vn)를 구축했습니다. 이에 따라 외국인이 임시체류하는 숙박업소는 규정에 따라 홈페이지에서 계정을 생성하고 외국인 임시거주 신고를 할 수 있습니다.

Đối với việc xử lý những hành vi vi phạm liên quan đến khai báo tạm trú cho người nước ngoài được thực hiện căn cứ theo Nghị định 144/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình (gọi tắt là Nghị định 144/2021/NĐ-CP) được thực hiện như sau:

가정 폭력 예방하고 퇴치; 구조 및 회수; 화재 예방; 사회악 예방; 안보, 질서 및 사회 안전 분야의 행정 위반에 대한 처벌을 규제하는 정부의 2021년 12월 31일에 제144/2021/ND-CP호 의정 (제144/2021/ND-CP호 의정이라고 함)에 근거하여 외국인 임시 거주 신고와 관련된 위반 사항 처리는 다음과 같이 수행됩니다.

Thứ nhất, xử lý đối với cơ sở lưu trú về hành vi vi phạm cho người nước ngoài tạm trú qua đêm nhưng không khai báo tạm trú; hành vi không cập nhật thông tin khai báo tạm trú theo quy định của pháp luật (quy định tại điểm i khoản 3 điều 18 Nghị định 144/2021/NĐ-CP, mức phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng); hành vi không khai báo tạm trú cho người nước ngoài theo quy định của pháp luật (quy định tại điểm đ khoản 4 điều 9 Nghị định 144/2021/NĐ-CP mức phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng).

첫째, 숙박업소에 대해 외국인이 임시거주신고를 하지 않고 숙박하는 것을 허용하는 위반행위; 법률 규정에 따라 임시 거주 신고 정보를 업데이트하지 않는 행위 (제144/2021/ND-CP호 의정 제18조 제3항 제i점에 규정, 벌금 3,000,000 VND ~ 5,000,000 VND); 법률 규정에 따라 외국인의 임시 거주 신고를 하지 않는 행위(제144/2021/ND-CP호 의정 제9조 제4항 제đ점에 규정, 벌금 4,000,000 VND ~ 6,000,000 VND) 를 처리합나다.

Thứ hai, xử lý đối với người nước ngoài về hành vi vi phạm không cung cấp thông tin cho cơ sở lưu trú để thực hiện khai báo tạm trú theo quy định của pháp luật; cung cấp thông tin sai sự thật cho cơ sở lưu trú để thực hiện việc khai báo tạm trú theo quy định của pháp luật (quy định tại điểm i khoản 3 điều 18 Nghị định 144/2021/NĐ-CP, mức phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng).

둘째, 외국인에 대한 법률 규정에 따라 임시거주신고를 위한 숙박업소에 대한 정보제공 미제공 위반행위; 법률의 규정에 따라 임시거주신고를 하기 위하여 숙박업소에 허위의 정보를 제공하는 행위(제144/2021/ND-CP호 의정 제18조 제3항 제i점에 규정, 벌금 3,000,000 VND ~ 5,000,000 VND)를 처리합나다.

Như vậy, người nước ngoài đã được cơ sở lưu trú khai báo tạm trú theo quy định, trường hợp người nước ngoài đi khỏi nơi đang tạm trú (tạm trú ở nơi khác) thì cơ sở lưu trú có trách nhiệm cập nhật thông tin khai báo tạm trú cho người nước ngoài, đồng thời cơ sở lưu trú nơi có người nước ngoài đến tạm trú có trách nhiệm khai báo tạm trú cho người nước ngoài theo quy định. Cơ sở lưu trú vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định như đã nêu ở trên.

따라서 외국인은 규정에 따라 숙박 시설에 의해 임시 거주지로 신고되었습니다. 외국인이 임시 거주지(다른 곳에 임시 거주)를 떠나는 경우 숙박 시설은 외국인에 대한 임시 거주 신고 정보를 업데이트할 책임이 있습니다. 동시에, 외국인이 임시 거주하는 숙박 시설은 규정에 따라 외국인 임시 거주 신고를 담당합니다. 위반 숙박업소는 상기 규정에 따라 처리됩니다.